

Số: /TB-SNN

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 336/QĐ-SNN ngày 18/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định về việc thanh lý tài sản, máy móc thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư, hàng hóa của Trung tâm Giống cây trồng theo Đề án giải thể (có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản);

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 02/06/2023 của Tổ đánh giá lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định: Thanh lý tài sản, máy móc thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư, hàng hóa của Trung tâm Giống cây trồng theo Đề án giải thể (có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản) theo Thông báo số 69/TB-SNN ngày 29/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định;

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá để tổ chức bán đấu giá tài sản, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư, hàng hóa (sau đây viết tắt là tài sản) của Sở được tiếp nhận từ Trung tâm Giống cây trồng theo Đề án giải thể có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin Tài sản đấu giá

- Tên tài sản: Thanh lý tài sản, máy móc thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư, hàng hóa của Trung tâm Giống cây trồng theo Đề án giải thể (có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản).

- Số lượng, chất lượng tài sản: 01 gói (bao gồm phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Thông báo này), cụ thể:

+ Máy móc thiết bị nguyên giá: 1.269.337.946 đồng, giá trị còn lại: 37.624.781 đồng, giá trị đánh giá lại: 232.109.400 đồng, tình trạng hầu hết là hư hỏng (theo Phụ lục 1);

+ Công cụ, dụng cụ tổng giá trị: 139.118.021 đồng, đã phân bổ hết giá trị trong quá trình kinh doanh của đơn vị, giá trị đánh giá lại: 30.172.000 đồng, tình trạng hầu hết là hư hỏng (theo Phụ lục 2);

+ Vật tư, hàng hóa (bao cước, bao nhựa đựng giống): 51.798.981 đồng, hiện trạng hầu hết đã hư hỏng, giá trị đánh giá lại: 3.970.400 đồng (theo Phụ lục 3).

- Hình thức thanh lý: bán đấu giá công khai theo quy định.

- Tổng giá khởi điểm để thanh lý (theo Quyết định số 336/QĐ-SNN ngày 18/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định): **266.251.800 đồng/ gói** (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm năm mươi một ngàn tám trăm đồng).

II. Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: Trung Tâm dịch vụ đấu giá tài sản, địa chỉ tại 37 Phan Đình Phùng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá được lựa chọn: **92 điểm**

3. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối: không có

III. Kết quả chấm điểm

STT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản (tỉnh Bình Định)
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23	22
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11	11
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6	6
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5	5
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8	8
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4	4
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4	4
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2	2
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1	0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1	1
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22	22
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4	4
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4	4
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4	4
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4	4
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3	3

STT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản (tính Bình Định)
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3	3
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45	38
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6	6
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2	
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3	
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4	
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5	
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6	6
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18	14
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10	
2.2	Từ 20%) đến dưới 40%	12	
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14	14
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16	
2.5	Từ 100% trở lên	18	
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5	5
3.1	Dưới 03 năm	3	
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4	
3.3	Từ 05 năm trở lên	5	5

STT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản (tính Bình Định)
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3	2
4.1	01 đấu giá viên	1	
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2	2
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3	
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	4	4
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2	
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3	
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4	4
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	5	4
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2	
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3	
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4	4
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5	
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3	3
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2	
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3	3
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1	0

STT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản (tỉnh Bình Định)
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5	5
1	<i>Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3	
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4	
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5	5
V	Tiêu chí do người có tài sản đấu giá quyết định:	5	5
1	<i>Tổ chức đấu giá tài sản có kinh nghiệm đấu giá lâu năm nhất</i>	4	4
2	<i>Tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề đã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá và tổ chức đấu giá thành công tài sản tương tự</i>	1	1
Tổng số điểm		100	92
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		<i>Đủ điều kiện</i>
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>	

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định thông báo để Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, địa chỉ tại 37 Phan Đình Phùng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được biết và sắp xếp thời gian (**thời gian mời đến thương thảo hợp đồng chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo này**) đến cơ quan Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định để thương thảo và ký hợp đồng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trung tâm DVĐGTS;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KH-TH, VP.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Phúc

Phụ lục số 1

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (MÁY MÓC THIẾT BỊ) THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SNN ngày tháng 06 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định)

DVT: đồng

STT	Tên tài sản cố định	THÔNG TIN TÀI SẢN (MÁY MÓC THIẾT BỊ)				Giá khởi điểm (đồng)	Lý do thanh lý	Hình thức thanh lý	
		Năm đưa vào sử dụng	Theo sổ kế toán đến 31/12/2022		Tình trạng				
			Số lượng	Nguyên giá TSCĐ					Giá trị còn lại
I	Văn phòng Trung tâm Giống cây trồng			673.715.000	10.781.250		55.901.800		
1	Bộ máy tính để bàn core i5 + máy in canon 3300 (Hòa - K.Hoạch-2015)	2015	1	16.910.000	0	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	5.200.000	Các tài sản hiện đã hết khấu hao/ Hao mòn, bị hư hỏng; một số tài sản còn thời hạn khấu hao/hao mòn nhưng trong tình trạng không hoạt động, có dấu hiệu hư hỏng, do đó việc sửa chữa không hiệu quả	Bán đấu giá công khai theo quy định
2	Bộ máy tính để bàn core i5 + máy in (Giám đốc-2014)	2014	1	10.990.000	0	Bị hư hỏng	300.000		
3	Bộ máy tính để bàn core i5 + máy in (Hoa - kế toán-2014)	2014	1	10.990.000	0	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	3.406.900		
4	Bộ máy tính để bàn core i5 (Dung TQuy -2014)	2014	1	10.640.000	0	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	3.298.400		
5	Bộ máy Photocopy Konica 2016	2016	1	30.500.000	9.531.250	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	5.760.000		
6	Bộ máy tính để bàn core i5 (Ut Tiên - 2016)	2016	1	12.500.000	0	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	3.875.000		
7	Bộ máy tính để bàn core i5 (Thúy. KTV- 2016)	2016	1	15.300.000	0	Bị hư hỏng	765.000		
8	Bộ máy tính để bàn core i5 (PGĐ- Bê-2015)	2015	1	12.960.000	0	Bị hư hỏng	648.000		
9	Kính hiển vi soi nổi (DA 2000)	2000	1	19.950.000	0	Bị hư hỏng	997.500		
10	Tủ sấy 53 lít (tủ âm)	2011	1	16.300.000	0	Bị hư hỏng	815.000		
11	Máy đo độ ẩm không khí (DA 99)	2002	1	10.950.000	0	Bị hư hỏng	547.500		
12	Tủ sấy nấm (Mỹ -DA02)	2003	1	378.000.000	0	Bị hư hỏng	18.900.000		
13	Máy thổi hạt (Mỹ- DA02)	2002	1	32.956.000	0	Bị hư hỏng	1.650.000		
14	Máy điều hoà không khí nóng lạnh P. Tiếp dân)	2002	1	10.000.000	0	Bị hư hỏng	500.000		
15	Máy điều hoà không khí nóng lạnh (PGĐ- Phương)	2002	1	10.000.000	0	Bị hư hỏng	500.000		

STT	Tên tài sản cố định	Năm đưa vào sử dụng	Theo sổ kế toán đến 31/12/2022			Tình trạng	Giá khởi điểm (đồng)	Lý do thanh lý	thức thanh lý
			Số lượng	Nguyên giá TSCĐ	Giá trị còn lại				
16	Máy phát điện Honda EKB 1500R2 (2014- dự án WB3)	2015	1	50.000.000	1.250.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	7.500.000	Các tài sản hiện đã hết khấu hao/ Hao mòn, bị hư hỏng; một số tài sản còn thời hạn khấu hao/hao mòn nhưng trong tình trạng không hoạt động, có dấu hiệu hư hỏng, do đó việc sửa chữa không hiệu quả	Bán đấu giá công khai theo quy định
17	Bộ máy tính Intel G41 + máy in (Phuong -PGĐ -2010)	2010	1	14.270.000	0	Bị hư hỏng	713.500		
18	Bộ máy tính để bàn core i3 thế hệ 2 + máy in (Hòa KT-2012)	2012	1	10.499.000	0	Bị hư hỏng	525.000		
II	Kho An Nhơn		1	518.182.242	8.708.333		158.030.000		
1	Máy sấy 8 tấn /mè	2011	1	168.145.257	0	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	52.600.000		
2	Máy làm sạch và phân loại hạt giống	2011	1	279.273.985	0	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	86.600.000		
3	Máy giê lúa (kho AN 2017)	2017	1	19.000.000	8.708.333	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	5.890.000		
4	Hệ thống sấy giống (AN)	2000	1	51.763.000	0	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	12.940.000		
III	Trại nghiên cứu giống lúa màu Nhơn Hòa		1	77.440.704	18.135.198	0	18.177.600		
1	Máy đo độ ẩm (Trại Nhơn Hòa - 2016)	2016	1	9.254.641	2.602.868	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	462.000		
2	Súng bắn nhiệt độ -Trại Nhơn Hòa (2015)	2015	1	5.432.072	1.527.770	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	271.600		
3	Máy làm sạch lúa -Trại Nhơn Hòa (2015)	2015	1	49.793.991	14.004.560	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	15.500.000		
4	Bộ máy tính để bàn core i5 (Trại Nhơn Hòa-2015)	2015	1	12.960.000	0	Bị hư hỏng	1.944.000		
	Tổng cộng (I+II+III)			1.269.337.946	37.624.781		232.109.400		

Phụ lục số 2
DANH MỤC CÔNG CỤ, DỤNG CỤ THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo số:

/TB-SNN ngày

tháng 06 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định)

DVT: đồng

STT	Tên công cụ, dụng cụ	THÔNG TIN CÔNG CỤ, DỤNG CỤ					Giá khởi điểm (đồng)	Lý do thanh lý	Hình thức thanh lý	
		Năm sử dụng	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ sách kế toán (đến 31/12/2022)					Tình trạng
					Số lượng	Thành tiền				
I	Kho An Nhơn					5.690.000		104.000	Các công cụ, dụng cụ bị hư hỏng; cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	Bán đấu giá công khai theo quy định
1	Palet gỗ kê lúa	2008	Cái	230.000	17	3.910.000	Bị hư hỏng	4.000		
2	Quạt đứng công nghiệp	2015	Cái	1.780.000	1	1.780.000	Bị hư hỏng	100.000		
II	Trại nghiên cứu giống lúa màu Nhơn Hòa					27.232.000		4.508.000		
1	Bình nước nóng lạnh Sanyo phòng PGĐ	2012	Cái	2.550.000	1	2.550.000	Bị hư hỏng	200.000		
2	Ghế gỗ hội trường (HP)	2008	Cái	550.000	15	8.250.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	2.250.000		
3	Tủ tài liệu hòa phát phòng PGĐ	2008	Cái	3.091.000	1	3.091.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	400.000		
4	Bàn họp phòng PGĐ (HP)	2008	Cái	1.947.000	1	1.947.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	300.000		
5	Bộ bàn làm việc hòa phát phòng PGĐ	2008	Bộ	1.892.000	1	1.892.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	300.000		
6	Ghế xoay lớn Hòa phát phòng Phó Giám đốc	2008	Cái	1.100.000	1	1.100.000	Bị hư hỏng	200.000		
7	Bàn vi tính(HP)	2008	Cái	1.298.000	2	2.596.000	01 cái bị hư hỏng + 01 cái cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	50.000		

STT	Tên công cụ, dụng cụ	Năm sử dụng	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ sách kế toán (đến 31/12/2022)		Tình trạng	Giá khởi điểm (đồng)	Lý do thanh lý	Hình thức thanh lý
					Số lượng	Thành tiền				
8	Ghế xoay (HP)	2008	Cái	418.000	2	836.000	01 cái bị hư hỏng + 01 cái cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư	8.000	Các công cụ, dụng cụ bị hư hỏng; cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	Bán đấu giá công khai theo quy định
9	Tủ tài liệu Hòa phát nhỏ	2008	Cái	1.595.000	2	3.190.000	Bị hư hỏng	400.000		
10	Quạt đứng công nghiệp	2015	Cái	1.780.000	1	1.780.000	Bị hư hỏng	400.000		
III	Văn phòng Trung tâm Giống cây trồng					106.196.021	0	25.560.000		
1	Bộ bàn phòng họp (2 bàn nối)	2002	Bộ	2.250.000	1	2.250.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	300.000		
2	Bục nói chuyện	2008	Cái	1.700.000	1	1.700.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	100.000		
3	Ghế dựa gỗ hương	2002	Cái	165.957	23	3.817.021	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	1.150.000		
4	Ghế gỗ hội trường (HP)	2008	Cái	550.000	38	20.900.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	5.700.000		
5	Tủ đựng tài liệu (tủ sách cơ quan)	2008	Cái	1.550.000	1	1.550.000	Bị hư hỏng	300.000		
6	Palet gỗ kê lúa	2008	Cái	230.000	23	5.290.000	05 cái bị hư hỏng + 18 cái cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư	1.610.000		
7	Bàn họp phòng GD(HP)	2008	Cái	3.344.000	1	3.344.000	Bị hư hỏng	400.000		
8	Bình nước nóng lạnh Sanyo phòng GD	2008	Cái	3.700.000	1	3.700.000	Bị hư hỏng	700.000		
9	Bình nước nóng lạnh Sanyo VPTT (năm 2014)	2014	Cái	4.850.000	1	4.850.000	Bị hư hỏng	800.000		
10	Bộ bàn làm việc phòng GD (HP)	2008	Bộ	4.983.000	1	4.983.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	1.500.000		

STT	Tên công cụ, dụng cụ	Năm sử dụng	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ sách kế toán (đến 31/12/2022)		Tình trạng	Giá khởi điểm (đồng)	Lý do thanh lý	Hình thức thanh lý
					Số lượng	Thành tiền				
11	Ghế họp phòng GD(HP)	2008	Cái	572.000	10	5.720.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	5.000.000	Các công cụ, dụng cụ bị hư hỏng; cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	Bán đấu giá công khai theo quy định
12	Ghế xoay da phòng GD (HP)	2008	Cái	3.146.000	1	3.146.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	500.000		
13	Tủ tài liệu phòng GD(HP)	2008	Cái	5.313.000	1	5.313.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	1.000.000		
14	Bàn gỗ (1mx2m) (DA2010), P. Ktoan	2010	Cái	3.900.000	1	3.900.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	600.000		
15	Bàn làm việc có bàn phím phòng kế toán(HP) - Hoa - Thúy	2008	Cái	1.496.000	2	2.992.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	600.000		
16	Ghế xoay phòng kế toán(HP)	2008	Cái	792.000	1	792.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	200.000		
17	Kệ góc tường phòng kế toán	2002	Cái	295.000	1	295.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	50.000		
18	Tủ tài liệu Hòa Phát lớn - (Văn thư - Kế toán)	2008	Cái	3.839.000	2	7.678.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	1.200.000		
19	Bàn vi tính(HP)	2008	Cái	1.298.000	8	10.384.000	05 cái bị hư hỏng + 03 cái cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	1.600.000	Các công cụ, dụng cụ bị hư hỏng; cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	Bán đấu giá công khai theo quy định
20	Ghế xoay (HP)	2008	Cái	418.000	8	3.344.000	04 cái bị hư hỏng + 04 cái cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư	800.000		
21	Tủ tài liệu Hòa phát nhỏ	2008	Cái	1.595.000	3	4.785.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	900.000		
22	Nhà vòm để xe VP	2012	Cái	4.363.000	1	4.363.000	Cũ, lâu không sử dụng có dấu hiệu hư hỏng	500.000		
23	Cân đồng hồ 100kg (2017)	2017	Cái	1.100.000	1	1.100.000	Bị hư hỏng	50.000		
	Tổng cộng					139.118.021		30.172.000		

Phụ lục số 3

DANH MỤC VẬT TƯ, HÀNG HÓA (BAO BÌ) THANH LÝ

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SNN ngày tháng 06 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định)

DVT: đồng

ST T	Tên vật tư, hàng hóa	THÔNG TIN VẬT TƯ, HÀNG HÓA (BAO BÌ)				Giá khởi điểm (đồng)	Lý do thanh lý	Hình thức thanh lý
		Đơn vị tính	Theo sổ kế toán đến 31/12/2022		Tình trạng			
			Số lượng	Thành tiền				
	Trại giống lúa màu Nhơn Hòa							
1	Bao cước đựng giống loại 10kg	Cái	9.182	31.170.347	Cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	2.754.600	Cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	Bán đấu giá công khai theo quy định
2	Bao cước đựng giống loại 20kg	Cái	4.785	18.959.793	Cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	957.000		
3	Bao nhựa đựng giống loại 50kg (60x110)	Cái	647	1.668.841	Cũ, lâu không sử dụng, có dấu hiệu hư hỏng	258.800		
	Tổng cộng			51.798.981		3.970.400		